

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-PT

Ngày 28/11/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Nguyễn Đức Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Do Bản án hôn nhân gia đình số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐPT-HNGĐ, ngày 09/11/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lìu Thị B, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Ngoan B, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang – Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Thèn Văn M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Ngoan B, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang – Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Anh Thèn Văn M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Ngoan B, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lìu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Thèn Văn M được tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tháng 01 năm 2017 tại UBND xã X, huyện C. Sau khi kết hôn Chị B và anh M chung sống cùng bố mẹ đẻ chị B tại thôn Ngoan B, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hòa thuận đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường

xuyên cãi vã, bạo lực gia đình, anh M thường xuyên không có nhà, không có trách nhiệm gì với con cái và cũng không đóng góp tiền để nuôi con. Chị B thấy rằng vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị B xác định không còn tình cảm với anh Thèn Văn M, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B xin ly hôn với anh Thèn Văn M.

Về con chung: Chị B và anh M có hai con chung là Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 và Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Thèn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thèn Văn M và chị Lìu Thị B được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 01 năm 2017 tại UBND xã X, huyện C. Sau khi kết hôn anh M và Chị B sống cùng bố mẹ đẻ Chị B tại thôn Ngoan B, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M nghi ngờ Chị B có quan hệ ngoại tình với người khác nên giữa anh M và Chị B có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra anh M và Chị B vẫn sống cùng một nhà. Chị B xin ly hôn anh không nhất trí vì anh và Chị B chưa thỏa thuận được với nhau về công sức đóng góp của anh trong thời kỳ hôn nhân.

Về con chung: Anh M và Chị B có hai con chung là Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 và Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019. Tại phiên tòa anh M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thèn Bảo D và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh M và Chị B sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được anh M sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Lìu Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lìu Thị B được ly hôn anh Thèn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho anh Thèn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng ; giao cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 cho chị Lìu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Thèn Văn M, chị Lìu Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau ly hôn, anh Thèn Văn M, chị Lìu Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2023 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Thèn Văn M, Tòa án đề nghị anh sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo và đến ngày 26/9/2023 Tòa án nhận được đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung của bị đơn anh Thèn Văn M kháng cáo một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về vấn đề con chung: để anh được nuôi con trai là cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 và Chị B nuôi con gái là cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Thèn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung: giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Lìu Thị B và giao cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 cho anh Thèn Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Lìu Thị B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Thèn Văn M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Thèn Văn M hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng cháu Thèn Thị Mai L là con gái, đang ở tuổi phát triển về tâm sinh lý nên giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp hơn. Hiện nay, cháu Loan đang theo học lớp 1B Trường Tiểu học X, nơi học ở gần nhà, để đảm bảo thuận lợi cho cháu Loan theo học không phải chuyển trường, xét thấy việc giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho anh Thèn Văn M và giao cháu Thèn Bảo D,

sinh ngày 10/6/2019 cho chị Lìu Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là chưa hợp lý. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thấy có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Thèn Văn M, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang, giao cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 cho anh Thèn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Lìu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh M và Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Thèn Văn M được chấp nhận nên anh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục kháng cáo:

Ngày 18/9/2023 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Thèn Văn M, cùng ngày Tòa án ban hành thông báo sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo và giao cho anh Thèn Văn M, đến ngày 22/9/2023 Tòa án nhận được đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung. Ngày 26/9/2023 Tòa án nhân dân huyện C tiến hành làm việc với anh Thèn Văn M để xác định rõ nội dung kháng cáo, cùng ngày Tòa án nhận được đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung đầy đủ của anh Thèn Văn M kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo nêu trên được chấp nhận là hợp lệ xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Thèn Văn M:

Anh Thèn Văn M kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C với các nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết về vấn đề con chung: để anh được nuôi con trai là cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 và Chị B nuôi con gái là cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017.

Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về con chung chị Lìu Thị B và anh Thèn Văn M có hai con chung là cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2023 và cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019. Nguyên vọng nuôi con của anh chị đều xuất phát từ tình cảm cha mẹ đối với con và phù hợp với quy định của pháp luật. Theo tài liệu hồ sơ Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại thôn Ngoan B, xã X,

huyện C cho thấy Chị B và anh M có cùng mức thu nhập. Chị B ở cùng nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ngoan B, xã X, huyện C; anh Thèn Văn M sau khi giải quyết xong vấn đề ly hôn và con chung sẽ chuyển lên huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang sinh sống với bố mẹ đẻ. Xét về điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình thì anh M và Chị B đều đủ điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung. Nhưng cháu Thèn Thị Mai L là con gái, sẽ lớn dần theo năm tháng và sẽ có những thay đổi tâm sinh lý nên cần được sự quan tâm, chăm sóc và trao đổi của người mẹ sẽ dễ dàng và thoải mái hơn cho cháu Loan, cháu Thèn Bảo D là con trai, mặc dù còn nhỏ nhưng cũng đã hơn 4 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi xác định cháu Thèn Thị Mai L hiện nay đang theo học lớp 1B Trường Tiểu học X, nơi học ở gần nhà, để đảm bảo thuận lợi cho cháu Loan theo học không phải chuyển trường, xét thấy việc giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho anh Thèn Văn M và giao cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 cho chị Lìu Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là chưa hợp lý, do đó có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo một phần bản án của anh Thèn Văn M như ý kiến, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm là giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Lìu Thị B và giao cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 cho anh Thèn Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo bản án của anh Thèn Văn M được chấp nhận, nên anh M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Thèn Văn M. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C như sau:

1. Về con chung: Giao cháu Thèn Thị Mai L, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Lìu Thị B và giao cháu Thèn Bảo D, sinh ngày 10/6/2019 cho anh Thèn Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Thèn Văn M và chị Lìu Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Thèn Văn M không phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh M số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002110 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/11/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA (HCTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

